

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ K  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31-3-2023

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH HẢI DƯƠNG

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Đức Huân;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Chí Dũng;

2. Bà Đinh Thị Tin.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Thăng Long-Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 31/3/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 320/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/12/2022 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/3/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22/3/2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị Kim N, sinh năm 1984.

*Địa chỉ:* Tổ 2, Ấp 5, xã A1, huyện L1, tỉnh Đ1.

*Bị đơn:* Anh Lê Văn N1, sinh năm 1980.

*Địa chỉ:* Khu dân cư T1, phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Đinh Thị Kim N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Lê Văn N1, sinh năm 1980 trên cơ sở tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã DT-Nay là phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương vào ngày 07/01/2009. Sau ngày cưới chị về ngay gia đình anh N1 chung sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không có tiếng nói chung, anh N1 không muốn lo kinh tế chung cho gia đình, đi làm chỉ lo cho bản thân. Đến tháng 10/2009, sau khi sinh con, chị có khuyên anh N1 lo làm ăn

đề chăm lo cho con và mẹ già nhưng anh N1 không hề quan tâm tới gia đình vợ con. Kể từ khi con chào đời đến nay, chị phải nuôi con một mình, lúc nào anh N1 cũng sống xa nhà và chị cũng không được biết anh N1 làm gì, sống ở đâu. Chị thường xuyên gọi điện khuyên anh là về nhà làm gần vợ con có điều kiện chăm sóc và có tiền nuôi con nhưng anh N1 không nghe. Từ đó vợ chồng đã sống ly thân cắt đứt mọi quan hệ tình cảm và kinh tế. Năm 2012 chị xin phép gia đình chồng vào nam sống cùng ông bà ngoại và kiếm công ăn việc làm nuôi con. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Văn N1.

- Quan hệ về con chung: Vợ chồng chị có một con là Lê Công Tùng L2, sinh ngày 06/10/2009. Con do chị trực tiếp nuôi dưỡng từ nhỏ cho đến nay. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con và tự nguyện không yêu cầu anh N1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Quan hệ về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo Biên bản ghi lời khai, bị đơn anh Lê Văn N1 trình bày:*

- Về việc cấp, thông báo các văn bản tố tụng: Anh đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và các giấy triệu tập của Tòa án thông qua mẹ anh là bà Ngô Thị Loan. Hiện anh đang lao động ở ngoài Quảng Ninh, công việc rất bận nên không về làm việc theo các giấy triệu tập của Tòa án được.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định lời khai của chị Đinh Thị Kim N về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn là đúng. Sau ngày cưới do công việc của anh thường xuyên phải đi làm xa nhà, không có điều kiện quan tâm, chăm sóc gia đình, vợ con nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Do nhiều lần chị N động viên anh về làm gần nhà để chăm sóc gia đình nhưng anh không về nên chị N đã bế con vào trong miền nam sống cùng ông bà ngoại từ năm 2012 đến nay. Đến năm 2015 anh có vào trong miền nam sống cùng gia đình chị N được khoảng 1 năm do cách sinh hoạt không hợp nên anh lại về sống cùng mẹ đẻ. Sau khi anh về bắc thì vợ chồng thi thoảng vẫn liên lạc với nhau. Đến năm 2018 thì vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau vì anh mặc cảm về kinh tế. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh, anh xác định vẫn còn tình cảm, mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung.

- Quan hệ về con chung: Vợ chồng anh có một con là Lê Công Tùng L2, sinh ngày 06/10/2009. Trường hợp vợ chồng ly hôn do công việc của anh thường xuyên phải xa nhà, bên cạnh đó con do chị N nuôi dưỡng từ nhỏ, ổn định và có nguyện vọng được ở cùng chị N nên anh đề nghị Tòa án giao con cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng.

- Quan hệ về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo Biên bản ghi lời khai, người làm chứng - bà Ngô Thị Loan trình bày:*

Bà là mẹ đẻ của anh Lê Văn N1. Anh Lê Văn N1 kết hôn với chị Đinh Thị Kim N trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp. Sau ngày cưới chị N về gia đình bà chung sống còn anh N1 đi làm công ty ở Quảng Ninh. Quá trình chung sống tại đây anh N1, chị N không xảy ra mâu thuẫn đánh cãi chửi nhau. Tuy nhiên do tính chất công việc nên anh N1 thường xuyên đi làm xa nhà ít có thời gian quan tâm đến gia đình. Chị N đã nhiều lần động viên anh N1 về làm gần nhà nhưng anh N1 không chịu về nên đã dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Sự việc kéo dài từ năm 2010 đến năm 2012 thì chị N xin phép gia đình bà đưa còn về gia đình ông bà ngoại ở trong Đ1 sinh sống. Sau đó anh N1 có vào sống cùng chị N được khoảng một năm nhưng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên anh N1 đã về sống cùng bà. Hai anh chị sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Hiện anh N1 vẫn sống cùng bà, đang làm công nhân tại Quảng Ninh thi thoảng mới về gia đình. Nay chị N làm đơn ly hôn bà xác định tình trạng mâu thuẫn của anh chị đã kéo dài đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định; về con chung: Anh N1, chị N có 1 con chung là Lê Công Tùng L2, sinh ngày 06/10/2009, do chị N nuôi dưỡng từ nhỏ. Nay anh chị ly hôn quan điểm của gia đình bà xác định chị N nuôi dạy con từ nhỏ, nuôi dạy con chung phát triển khôn lớn bình thường, anh N1 lại thường xuyên đi làm xa nhà nên đề nghị Tòa án tiếp tục giao con cho chị N nuôi dưỡng; về tài sản chung: Trong thời gian sống cùng vợ chồng bà, chị N, anh N1 không có tài sản gì chung, không thiết kế, xây dựng hoặc đóng góp công sức gì vào khối tài sản chung của vợ chồng bà.

*Tại biên bản xác minh ngày 08/02/2023 chính quyền địa phương phường DT cung cấp:* Chị N, anh N1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND phường DT vào ngày 07/01/2009. Sau ngày cưới chị N về ngay gia đình anh N1 chung sống. Quá trình chung sống tại đây do anh N1 thường xuyên đi làm ăn xa nhà ít có thời gian quan tâm đến gia đình nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị N đã về gia đình bố mẹ đẻ sống ly thân với anh N1 từ năm 2012 đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị N làm đơn ly hôn địa phương xác định tình trạng mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định; về con chung: Chị N, anh N1 có 1 con là Lê Công Tùng L2, sinh ngày 06/10/2009. Nay anh chị ly hôn, xét chị N là người nuôi con từ nhỏ, anh N1 công việc thường xuyên phải đi làm xa nhà, để bảo đảm điều kiện tốt nhất về mọi mặt cho cháu Tùng L2, địa phương đề nghị Tòa án giao cháu Tùng L2 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng.

*Tại phiên tòa:* Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện VKSND thị xã K phát biểu ý kiến, xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Kim N. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị Kim N ly hôn anh Lê Văn N1; về quan hệ con chung: Giao con chung Lê Công Tùng L2, sinh ngày 06/10/2009 cho chị Đinh Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh N1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; về án phí: Chị Đinh Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp*: Chị Đinh Thị Kim N khởi kiện tranh chấp về ly hôn, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn - anh Lê Văn N1 có hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Khu dân cư T1, phường DT, thị xã K nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về sự vắng mặt của đương sự*: Chị Đinh Thị Kim N vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Lê Văn N1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đinh Thị Kim N kết hôn với anh Lê Văn N1 vào ngày 07/01/2009 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã DT - nay là phường DT, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống tại gia đình anh N1 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N1 thiếu trách nhiệm và không quan tâm đến gia đình. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị N đã về gia đình ngoại tại: Tổ 2, Ấp 5, xã A1, huyện L1, tỉnh Đ1 sống ly thân với anh N1 nhiều năm nay. Hai anh chị đã không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị N, anh N1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị N được ly hôn anh N1.

[3]. *Quan hệ về con chung*: Chị N và anh N1 có một con là Lê Công Tùng L2, sinh ngày 06/10/2009. Con do chị N nuôi dưỡng từ nhỏ. Nay ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con và tự nguyện không yêu cầu anh N1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Xét điều kiện nuôi con của hai bên đương sự thì thấy: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh N1 thường xuyên đi làm xa nhà, không quan tâm và thiếu trách nhiệm với gia đình; chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng con từ nhỏ cho đến nay. Chị N đang kinh doanh được phẩm tại quầy thuốc Phúc L2 có thu nhập trung bình khoảng 10.000.000đ/tháng; cháu L2 do chị N nuôi dưỡng sức khỏe tốt, phát triển bình thường và có nguyện vọng được ở với mẹ; gia đình anh N1 và chính quyền địa phương phường DT đều đề nghị Tòa án giao cháu L2 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Căn cứ vào điều kiện nuôi con của chị N, anh N1, trên cơ sở đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em tại địa phương, HĐXX thấy rằng: Chị N có điều kiện nuôi con tốt hơn anh N1, cháu L2 sinh sống ổn định, phát triển bình thường tại gia đình chị N. Do đó HĐXX sẽ giao cháu L2 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh N1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

[4]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều: 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Kim N. Xử cho chị Đinh Thị Kim N ly hôn anh Lê Văn N1.

2. Quan hệ về con chung: Giao cho chị Đinh Thị Kim N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Lê Công Tùng L2, sinh ngày 06/10/2009 đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Đinh Thị Kim N về việc không yêu cầu anh Lê Văn N1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Anh Lê Văn N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị Kim N phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được đối trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K theo biên lai số AA/2021/0001965 ngày 05/12/2022. Chị Đinh Thị Kim N đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- UBND phường DT (để vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đặng Đức Huân**